

2010-2011 Youth 10
Men's Foil
Rolling Point Standings

ROLLING POINT CALCULATIONS

CURRENT AS OF	11/12/2010
---------------	------------

Top 4 Results

	NAME	BTH	DIVISION	Rolling Total	Age Group	1st	2nd	3rd	4th
1	Hamza, Mohamed	2000	GULF COAST TEXAS	277.5	85.5	100	92	53	32.5
2	Hadler, Benjamin N	2000	NORTH CA	216.5	96	70	68.5	50.5	27.5
3	Jacobs, Tyler M	2000	ST. LOUIS	205	120	85	68.5	51.5	0
4	Olivares, Marcello G	2001	GOLDCST FL	179	58.5	92	29.5	29	28.5
5	Zaroff, Leo Brook	2000	NORTH CA	147.5	62.5	85	34	28.5	0
6	Lewis, Kaden	2000	GULFCST TX	134.5	0	100	34.5	0	0
7	Zheng, Andrew R	2001	LONG ISLND	134	34.5	69	34.5	30.5	0
8	Kang, Joshua S	2000	ORANGE CST CA	124	32	92	32	0	0
9T	Etchell, Thomas W	2000	COLORADO	119.5	0	69.5	50	0	0
9T	Wang, Jonathan J	2000	NORTH CA	119.5	50	69.5	50	0	0
11	Holmes, Leo L	2001	GULF COAST TEXAS	112.5	27.5	85	27.5	0	0
12	Reynolds, Tyler C	2000	NATIONAL	100.5	0	50.5	50	0	0
13T	Cheng, Julian	2000	NEWENGLAND	100	0	70	30	0	0
13T	Shafaie, Ali	2000	NEW JERSEY	100	0	100	0	0	0
15T	Bourtis, James	2000	WESTERN NEW YORK	99	0	69.5	29.5	0	0
15T	Ranadive, Rishi R	2000	NORTHERN CA	99	29	70	29	0	0
17T	Lau, Evan	2000	NORTH CA	85	0	85	0	0	0
17T	Li, Daniel	2000	Canada	85	0	85	0	0	0
17T	Woods, Jack	2001	NEW JERSEY	85	0	85	0	0	0
20	Camille, Zachary	2000	METRO NYC	80.5	29.5	51	29.5	0	0
21	Fernandez, Lucas	2000	GOLDCST FL	70	0	70	0	0	0
22	Dubois, Peter	2000	SOUTH TEXA	69	0	69	0	0	0
23T	Culotta, Holden	2001	CONNECTICUT	68.5	0	68.5	0	0	0
23T	Lesnikov, Kirel	2001	WEST-ROCK	68.5	0	68.5	0	0	0
23T	Zhang, Vincent	2000	GULF COAST TEXAS	68.5	0	68.5	0	0	0
26T	Levin, Nestor	2000	WEST-ROCK	53.5	0	53.5	0	0	0
26T	Skala, Derek	2000	NEWENGLAND	53.5	0	53.5	0	0	0
28	Kelly, Matthew	2000	WESTERN NEW YORK	53	0	53	0	0	0
29T	Dunat, Maximilian	2000	HUDSON-BERKSHIRE	52	0	52	0	0	0
29T	Wu, Jerry	2000	CENTRAL CA	52	0	52	0	0	0
31	Levy, Cameron	2000	LONG ISLND	51.5	0	51.5	0	0	0
32	Bravo, Kenji U	2001	NORTH CA	50.5	0	50.5	0	0	0
33	Zhao, Walter	2000	OREGON	31	0	31	0	0	0

2010-2011 Youth 10
Men's Foil
Rolling Point Standings

DOMESTIC RESULTS - Y10

as of: 11/12/2010

APR Y10 2010 JULY Y10 2010

	PLACE	PTS	PLACE	PTS
Hamza, Mohamed	10	53	22	33
Hadler, Benjamin N	32	28	8	69
Jacobs, Tyler M	8	69	13	52
Olivares, Marcello G	28	30	29	29
Zaroff, Leo Brook	19	34	30	29
Lewis, Kaden	np	0	np	0
Zheng, Andrew R	18	35	72	0
Kang, Joshua S	np	0	23	32
Etchell, Thomas W	40	0	50	0
Wang, Jonathan J	np	0	16	50
Holmes, Leo L	60	0	32	28
Reynolds, Tyler C	np	0	np	0
Cheng, Julian	np	0	np	0
Shafaie, Ali	38	0	33	0
Bourtis, James	np	0	np	0
Ranadive, Rishi R	29	29	51	0
Lau, Evan	np	0	40	0
Li, Daniel	np	0	np	0
Woods, Jack	np	0	np	0
Camille, Zachary	np	0	28	30
Fernandez, Lucas	39	0	61	0
Dubois, Peter	np	0	np	0
Culotta, Holden	np	0	np	0
Lesnikov, Kirel	60	0	76	0
Zhang, Vincent	np	0	96	0
Levin, Nestor	np	0	53	0
Skala, Derek	np	0	np	0
Kelly, Matthew	np	0	np	0
Dunat, Maximilian	np	0	np	0
Wu, Jerry	np	0	48	0
Levy, Cameron	np	0	np	0
Bravo, Kenji U	np	0	41	0
Zhao, Walter	41	0	np	0

2010-2011 Youth 10
Men's Foil
Rolling Point Standings

DOMESTIC RESULTS - Y12 as of: 11/12/2010

APR Y12 2010 JULY Y12 2010

	PLACE	PTS	PLACE	PTS
Hamza, Mohamed	38	0	np	0
Hadler, Benjamin N	np	0	np	0
Jacobs, Tyler M	53	0	np	0
Olivares, Marcello G	67	0	np	0
Zaroff, Leo Brook	np	0	np	0
Lewis, Kaden	np	0	np	0
Zheng, Andrew R	np	0	np	0
Kang, Joshua S	np	0	np	0
Etchell, Thomas W	np	0	np	0
Wang, Jonathan J	np	0	np	0
Holmes, Leo L	np	0	np	0
Reynolds, Tyler C	np	0	15	51
Cheng, Julian	np	0	np	0
Shafaie, Ali	np	0	np	0
Bourtis, James	np	0	np	0
Ranadive, Rishi R	70	0	np	0
Lau, Evan	np	0	np	0
Li, Daniel	np	0	np	0
Woods, Jack	np	0	np	0
Camille, Zachary	np	0	np	0
Fernandez, Lucas	np	0	np	0
Dubois, Peter	np	0	np	0
Culotta, Holden	np	0	np	0
Lesnikov, Kirel	np	0	np	0
Zhang, Vincent	np	0	np	0
Levin, Nestor	np	0	np	0
Skala, Derek	np	0	np	0
Kelly, Matthew	np	0	np	0
Dunat, Maximilian	np	0	np	0
Wu, Jerry	np	0	np	0
Levy, Cameron	np	0	np	0
Bravo, Kenji U	np	0	np	0
Zhao, Walter	np	0	np	0

2010-2011 Youth 10

Men's Foil

Rolling Point Standings

DOMESTIC RESULTS - SUPER YOUTH 10

as of: 11/12/2010

TX Y10 2010 AZ Y10 2010 RCH10 2010 KY Y10 2009 VAY10 2010 NJ Y10 2010 CAY10 2010 MA Y1C 2010

	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS
Hamza, Mohamed	1	100	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Hadler, Benjamin N	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	5	70	np	0
Jacobs, Tyler M	3	85	np	0	np	0	18	0	np	0	np	0	17	0	np	0
Olivares, Marcello G	9	0	np	0	2	92	np	0	10	0	11	53	np	0	np	0
Zaroff, Leo Brook	np	0	3	85	np	0	np	0	np	0	np	0	19	0	np	0
Lewis, Kaden	10	0	1	100	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Zheng, Andrew R	np	0	np	0	7	69	np	0	np	0	13	52	np	0	np	0
Kang, Joshua S	2	92	2	92	np	0	np	0	np	0	np	0	18	0	np	0
Etchell, Thomas W	6	70	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	10	53	np	0
Wang, Jonathan J	np	0	6	70	np	0	np	0	np	0	np	0	30	0	np	0
Holmes, Leo L	3	85	np	0	np	0	11	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Reynolds, Tyler C	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Cheng, Julian	np	0	np	0	5	70	np	0	np	0	18	35	np	0	12	52
Shafaie, Ali	np	0	np	0	1	100	np	0	15	0	6	70	np	0	np	0
Bourtis, James	np	0	np	0	6	70	np	0	np	0	np	0	np	0	13	0
Ranadive, Rishi R	5	70	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	7	69	np	0
Lau, Evan	np	0	3	85	np	0	np	0	np	0	np	0	11	53	np	0
Li, Daniel	np	0	np	0	3	85	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Woods, Jack	np	0	np	0	3	85	np	0	np	0	20	34	np	0	np	0
Camille, Zachary	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	14	51	np	0	np	0
Fernandez, Lucas	np	0	5	70	np	0	np	0	21	0	17	35	np	0	np	0
Dubois, Peter	7	69	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Culotta, Holden	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	39	0	np	0	8	69
Lesnikov, Kirel	np	0	np	0	8	69	np	0	np	0	40	0	np	0	np	0
Zhang, Vincent	8	69	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Levin, Nestor	np	0	np	0	9	54	np	0	np	0	21	33	np	0	np	0
Skala, Derek	np	0	np	0	11	53	np	0	np	0	np	0	np	0	9	54
Kelly, Matthew	18	0	8	0	10	53	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Dunat, Maximilian	np	0	np	0	12	52	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Wu, Jerry	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	12	52	np	0
Levy, Cameron	np	0	np	0	13	52	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Bravo, Kenji U	np	0	9	0	np	0	np	0	np	0	np	0	15	51	np	0
Zhao, Walter	np	0	np	0	np	0	np	0	12	0	25	31	np	0	np	0

2010-2011 Youth 10
Men's Foil
Rolling Point Standings

DOMESTIC RESULTS - SUPER YOUTH 12

as of: 11/12/2010

	TX Y12	2010	AZY12	2010	ROCHY12	2010	KYY12	2009	VAY12	2010	NJ Y12	2010	CAY12	2010	MA Y12	2010
	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS	PLACE	PTS
Hamza, Mohamed	2	92	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Hadler, Benjamin N	np	0	15	51	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Jacobs, Tyler M	30	0	np	0	np	0	40	0	np	0	np	0	62	0	np	0
Olivares, Marcello G	np	0	np	0	30	29	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Zaroff, Leo Brook	np	0	21	0	np	0	np	0	np	0	np	0	65T	0	np	0
Lewis, Kaden	31	0	18	35	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Zheng, Andrew R	np	0	np	0	26	31	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Kang, Joshua S	27	0	27	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Etchell, Thomas W	16	50	37	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Wang, Jonathan J	np	0	32	0	np	0	np	0	np	0	np	0	61	0	np	0
Holmes, Leo L	26	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Reynolds, Tyler C	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	16	50	np	0
Cheng, Julian	np	0	np	0	27	30	np	0	np	0	np	0	np	0	44	0
Shafaie, Ali	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Bourtis, James	np	0	np	0	28	30	np	0	np	0	np	0	np	0	45	0
Ranadive, Rishi R	44	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	31	0	np	0
Lau, Evan	np	0	19	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Li, Daniel	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Woods, Jack	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Camille, Zachary	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Fernandez, Lucas	np	0	44	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Dubois, Peter	32	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Culotta, Holden	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Lesnikov, Kirel	np	0	np	0	59	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Zhang, Vincent	36	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Levin, Nestor	np	0	np	0	32	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Skala, Derek	np	0	np	0	65	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Kelly, Matthew	35	0	33	0	53	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Dunat, Maximilian	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Wu, Jerry	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	37	0	np	0
Levy, Cameron	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Bravo, Kenji U	np	0	31	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0	np	0
Zhao, Walter	np	0	np	0	np	0	np	0	43	0	68	0	np	0	np	0